

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NGẠN
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Bản án số: 05/2024/HNGĐ-ST

Ngày 10/01/2024.

“V/v Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà:* Bà Lương Thị Ngọc H.

**Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phạm Văn C.

Bà Lý Thị L.

* *Th ký ghi biên bản phiên toà:* Ông Nguyễn Ngọc M - Cán bộ T án nhân dân huyện Lục Ngạn.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn tham gia phiên toà:*

Ông Nguyễn Khắc T1 - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 410/2023/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2023 Về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 138/2023/ QĐXX - ST ngày 21 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Vi Thị Kim A, sinh năm 2000 (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Nơi cư trú: Thôn K, xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

* Bị đơn: Chu Văn Đ, sinh năm 1994 (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Nơi cư trú: Thôn K, xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 21/8/2023, những lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Vi Thị Kim A trình bày:*

Chị và anh Chu Văn Đ kết hôn với nhau từ ngày 13/8/2018. Trước khi kết hôn anh chị có đọc tự nguyện tìm hiểu, được gia đình tổ chức cưới theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Sau ngày cưới, vợ chồng về chung sống cùng nhau ngay tại thôn K, xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Ban đầu tình cảm vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc.

Mâu thuẫn vợ chồng: Chị **Kim A** xác định mâu thuẫn vợ chồng phát sinh vào khoảng đầu năm 2023 (Dương lịch), nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung trong phát triển kinh tế và nuôi dạy con nên đời sống không hạnh phúc. Nay chị xác định tình nghĩa vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã căng thẳng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể duy trì cuộc sống hôn nhân được nữa. Chị vẫn giữ nguyên yêu cầu đề nghị Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn giải quyết cho chị được ly hôn với anh **Chu Văn Đ**.

* Về con chung: Chị **Vi Thị Kim A** xác định vợ chồng có 02 con chung là **Chu Thị Anh T2**, sinh ngày 16/10/2018 và **Chu Phúc A1**, sinh ngày 09/01/2023. Sau khi ly hôn chị **Kim A** có nguyện vọng được nuôi cháu **A1**, để anh **Đ** nuôi cháu **T2**, chị không đề nghị Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

* Về tài sản chung, công nợ chung: Chị **Vi Thị Kim A** xác định vợ chồng không có tài sản chung, không liên quan vay nợ chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

* *Tại biên bản lấy lời khai ngày 15/12/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh **Chu Văn Đ** trình bày:*

Anh và chị **Vi Thị Kim A** kết hôn với nhau từ ngày 13/8/2018. Trước khi kết hôn anh chị có đọc tự nguyện tìm hiểu, được gia đình tổ chức cưới theo phong tục địa phương và đi đăng ký kết hôn tại **UBND xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang**. Sau ngày cưới, vợ chồng về chung sống cùng nhau ngay tại **thôn K, xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang**. Ban đầu tình cảm vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Anh **Đ** xác định vợ chồng đã mâu thuẫn từ giữa năm 2022, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung dẫn đến cãi nhau và có đánh nhau. Nên chị **Kim A** bỏ đi sống ly thân anh từ cuối năm 2022 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh muốn vợ chồng đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con cái nhưng nếu chị **Kim A** nhất quyết xin ly hôn thì anh đồng ý ly hôn với chị **Kim A**.

* Về con chung: Anh xác định vợ chồng có 02 con chung là **Chu Thị Anh T2**, sinh ngày 16/10/2018 và **Chu Phúc A1**, sinh ngày 09/01/2023. Sau khi ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi cháu **Anh T2**, để chị **Kim A** nuôi cháu **Phúc A1**, anh không đề nghị Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

* Về tài sản chung, công nợ chung: Anh **Đ** xác định anh và chị **Kim A** không có tài sản chung, không liên quan đến vay nợ chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa, nguyên đơn là chị **Vi Thị Kim A** và bị đơn là anh **Chu Văn Đ** vắng mặt. Vì vậy Hội đồng xét xử công bố lời khai của chị **Vi Thị Kim A** và anh **Chu Văn Đ** trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên toà Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án và ý kiến về thủ tục tố tụng của Toà án trong quá trình thụ lý cũng nh giải quyết vụ án và sự chấp hành pháp luật của các đương sự theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị:

- Áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 227; Điều 228; Điều 28; Điều 35; khoản 4 điều 147; Điều 271; Điều 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều 3; 6; 26; 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị **Vi Thị Kim A** được ly hôn với anh **Chu Văn Đ**.

- Về quan hệ con chung: Giao cho chị **Vi Thị Kim A** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là **Chu Phúc A1**, sinh ngày 09/01/2023; Giao cho anh **Chu Văn Đ** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là **Chu Thị Anh T2**, sinh ngày 16/10/2018. Việc cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra xem xét giải quyết. Sau khi ly hôn, chị **Vi Thị Kim A** và anh **Chu Văn Đ** có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản và công nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị **Vi Thị Kim A** phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị **Vi Thị Kim A** khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn giải quyết ly hôn và con chung với anh **Chu Văn Đ** có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại **thôn K, xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang**. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đây là quan hệ tranh chấp ly hôn, nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy: Chị **Vi Thị Kim A** và anh **Chu Văn Đ** kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại **UBND xã H** ngày 13/8/2018, như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị **Vi Thị Kim A** và anh **Chu Văn Đ** là hợp pháp. Quá trình chung sống: Chị **Vi Thị Kim A** xác định vợ chồng có mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung trong phát triển kinh tế và nuôi dạy con nên đời sống không hạnh phúc. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng

không còn, mâu thuẫn đã căng thẳng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể duy trì cuộc sống hôn nhân được nữa. Chị vẫn giữ nguyên yêu cầu đề nghị Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn giải quyết cho chị được ly hôn với anh **Chu Văn Đ**.

Anh **Chu Văn Đ** cũng xác định vợ chồng có mâu thuẫn, nguyên nhân do không hợp nhau, không có tiếng nói chung dẫn đến cãi nhau và có đánh nhau. Chị **A** bỏ đi sống ly thân anh từ cuối năm 2022 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh muốn vợ chồng đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con cái nhưng nếu chị **Kim A** nhất quyết xin ly hôn thì anh đồng ý ly hôn với chị **Kim A**.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt chị **Vi Thị Kim A** và anh **Chu Văn Đ** cùng có ý kiến giữ nguyên lời khai đã trình bày. Anh **Đ** và chị **Kim A** đều xác định vợ chồng có mâu thuẫn, cãi nhau; mặc dù anh **Đ** xác định vẫn còn tình cảm với chị **Kim A** và muốn đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con chung nhưng lại không đưa ra giải pháp cụ thể, để vợ chồng sống ly thân nhau trong thời gian dài, Tòa án đã tổng đạt trực tiếp thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng anh **Đ** không đến để hoà giải. Chứng tỏ mâu thuẫn giữa chị **Vi Thị Kim A** và anh **Chu Văn Đ** đã căng thẳng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét chị **Vi Thị Kim A** và anh **Chu Văn Đ** mâu thuẫn đã căng thẳng trầm trọng, không thể hòa giải được nữa. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Vi Thị Kim A**, cho chị **Vi Thị Kim A** được ly hôn với anh **Chu Văn Đ** là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4]. Về con chung: Chị **Vi Thị Kim A** và anh **Chu Văn Đ** đều xác định vợ chồng có 02 con chung là **Chu Thị Anh T2**, sinh ngày 16/10/2018 và **Chu Phúc A1**, sinh ngày 09/01/2023. Chị **Vi Thị Kim A** và anh **Chu Văn Đ** đều có ý kiến vợ chồng ly hôn chị **Kim A** là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là **Chu Phúc A1**; anh **Đ** là người trực tiếp nuôi nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là **Chu Thị Anh T2**. Vì vậy, cần chấp nhận sự thỏa thuận của chị **Vi Thị Kim A** và anh **Chu Văn Đ**, giao con chung là **Chu Phúc A1**, sinh ngày 09/01/2023 cho chị **Vi Thị Kim A** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao con chung là **Chu Thị Anh T2**, sinh ngày 16/10/2018 cho anh **Chu Văn Đ** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Việc cấp dưỡng nuôi con chung do chị **Vi Thị Kim A** và anh **Chu Văn Đ** không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn chị **Vi Thị Kim A** và anh **Chu Văn Đ** có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung, công nợ chung: **Vi Thị Kim A** và anh **Chu Văn Đ** cùng xác định vợ chồng không có tài sản chung, không liên quan vay nợ chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Vì vậy Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị **Vi Thị Kim A** phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 227; Điều 228; Điều 28; Điều 35; khoản 4 điều 147; Điều 271; Điều 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều 3; 6; 26; 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Vi Thị Kim A**.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị **Vi Thị Kim A** được ly hôn với anh **Chu Văn Đ**.

- Về quan hệ con chung: Giao cho chị **Vi Thị Kim A** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là **Chu Phúc A1**, sinh ngày 09/01/2023; Giao cho anh **Chu Văn Đ** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là **Chu Thị Anh T2**, sinh ngày 16/10/2018. Việc cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, chị **Vi Thị Kim A** và anh **Chu Văn Đ** có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản và công nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Chị **Vi Thị Kim A** phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng chẵn) án phí ly hôn sơ thẩm. Chị **Kim A** đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000527 ngày 24/10/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn. Khoản tiền này được chuyển thành án phí, chị **Kim A** không phải nộp án phí nữa.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Lục Ngạn;
- TAND Tỉnh Bắc Giang;
- THADS huyện lục ngạn;
- Đương sự;
- UBND xã Hộ Đáp;
- Lu hồ sơ, văn phòng.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lương Thị Ngọc Hà

